

Số: 73/KL-TTra

An Giang, ngày 10 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc quản lý sử dụng trang thiết bị y tế được đầu tư
từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh
tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTra ngày 31/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế về việc thanh tra việc quản lý sử dụng trang thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh, quản lý sử dụng thuốc; từ ngày 05/6/2024 đến ngày 30/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang.

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc quản lý sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang ngày 20/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Y tế kết luận như sau:

I. Khái quát chung

Bệnh viện Sản Nhi An Giang (sau đây viết tắt là bệnh viện), địa chỉ số 02 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, được thành lập theo Quyết định số 1485B/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra của Sở Y tế về việc thực hiện các quy định chuyên môn kỹ thuật, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; thực hiện các quy định của pháp luật về dược, quản lý thiết bị y tế.

Bệnh viện đạt chuẩn hạng II theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 00454/SYT-GPHĐ ngày 15/7/2021 do Sở Y tế tỉnh An Giang cấp; Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa. Bệnh viện được phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), mức tự bảo đảm chi thường xuyên là 128% theo Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025.

Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc (thời gian từ 01/01/2022 đến tháng 10/2023); Giám đốc và 02 Phó Giám đốc (thời gian từ 01/11/2023 đến nay).



- Phòng chức năng gồm 07 phòng: Tổ chức-hành chính; Tài chính-Kế toán; Kế hoạch tổng hợp; Vật tư thiết bị y tế; Điều dưỡng; Quản lý chất lượng; Công tác xã hội-Chăm sóc khách hàng.

- Khoa chuyên môn gồm 19 khoa: Khám bệnh; Liên chuyên khoa Mắt-Tai Mũi Họng-Răng Hàm Mặt; Cấp cứu nhi; ICU nhi; Sơ sinh; Nội nhi; Ngoại nhi; Phẫu thuật-Gây mê hồi sức; Sanh; Phụ; Hậu phẫu-Hậu sản; Sản bệnh-Sản thường; Dinh dưỡng; Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh; Dược; Kiểm soát nhiễm khuẩn; Đơn nguyên Khám chữa bệnh theo yêu cầu.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Nội dung về quản lý, sử dụng thiết bị y tế

1.1. Văn bản do bệnh viện ban hành về quản lý, sử dụng thiết bị y tế:

- Quy chế quản lý sử dụng tài sản công;
- Quy trình nhập, xuất hàng hoá-vật tư-trang thiết bị y tế;
- Quy trình mua sắm trang thiết bị;
- Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế;
- Quy trình quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế.

Nhận xét: Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Phân công nhân sự quản lý thiết bị y tế:

- Bệnh viện có thành lập Phòng Vật tư thiết bị y tế. Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Vật tư thiết bị y tế có trình độ chuyên môn Thạc sĩ Dược học.

- Phân công nhiệm vụ: Lãnh đạo Phòng Vật tư thiết bị y tế có phân công công tác cho nhân viên thực hiện nhiệm vụ về quản lý trang thiết bị y tế.

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức Phòng Vật tư thiết bị y tế; Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Vật tư thiết bị y tế có phân công công tác nhân viên thực hiện nhiệm vụ về quản lý thiết bị y tế.

1.3. Hồ sơ quản lý thiết bị y tế:

Trong thời kỳ thanh tra bệnh viện có mua sắm 01 gói thầu (Gói thầu số 75: Cung cấp và lắp đặt trang thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn); tổng số trang thiết bị y tế đã mua sắm là 27 thiết bị y tế, với tổng giá trị là 36.534.000.000 đồng.

(chi tiết tại phụ lục I)

a) Hồ sơ dự trù, mua sắm: Bệnh viện có kế hoạch mua sắm; sau khi có kết quả trúng thầu của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh thuộc Dự án Bệnh viện Sản Nhi An Giang, giai đoạn I Khối Sản 200 giường (gói

thầu số 75), bệnh viện đã mua sắm, có hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị công trình, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, bệnh viện không lưu trữ biên bản thanh lý hợp đồng.

b) Nguồn gốc thiết bị y tế: có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O), giấy phép nhập khẩu, tờ khai hải quan, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (C/Q), đúng với nội dung nhãn thiết bị.

c) Thực hiện phân bổ trang thiết bị y tế:

Gói thầu số 75 gồm 27 thiết bị được bệnh viện mua sắm sau khi có kết quả trúng thầu, phân bổ cho Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn có nhu cầu, đúng mục đích sử dụng.

Nhận xét:

- Đối với 27 thiết bị y tế được mua trong thời kỳ thanh tra: bệnh viện có lưu trữ hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm và hồ sơ dự trữ, mua sắm theo quy định.

- Bệnh viện mua sắm 27 thiết bị y tế, phân bổ đúng Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn có nhu cầu, đúng mục đích sử dụng.

Tồn tại: Bệnh viện không lưu trữ đủ hồ sơ mua sắm (cụ thể là biên bản thanh lý hợp đồng) theo quy định của Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

1.4. Công tác kiểm kê tài sản:

Năm 2022 và 2023, bệnh viện có thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản; đã thực hiện kiểm kê tài sản thực tế và có lập biên bản kiểm kê tài sản cố định, biên bản kiểm kê thể hiện đầy đủ số lượng, giá trị các tài sản, số liệu theo sổ sách kế toán và số liệu theo kiểm kê thực tế.

Số liệu theo kết quả kiểm kê tài sản là thiết bị y tế cuối năm 2022, 2023

(Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)

Năm	Số liệu đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Kiểm kê cuối năm	
	Số lượng	Giá trị (Nguyên giá)	Số lượng	Giá trị (Nguyên giá)	Số lượng	Giá trị (Nguyên giá)	Số lượng	Giá trị còn lại
2022	1038	206.069.521	104	100.520.876	1	5.680	1141	181.018.827
2023	1141	306.584.718	14	140.194			1155	139.970.342

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và có lập Biên bản kiểm kê

tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. .

1.5. Thanh lý tài sản:

Bệnh viện có 51 thiết bị y tế hư hỏng, tổng giá trị theo nguyên giá là 6.297.134.000 đồng (*chi tiết tại phụ lục II*). Bệnh viện có thực hiện thanh lý tài sản, theo trình tự thủ tục như sau:

- 02 thiết bị tổng giá trị theo nguyên giá là **1.768.464.000** đồng, bệnh viện đã nhận Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc thanh lý tài sản của Bệnh viện Sản Nhi An Giang.

- 15 thiết bị tổng giá trị theo nguyên giá là **3.704.134.000** đồng, bệnh viện đã trình Sở Y tế, Tờ trình số 66/TTr-BVSN ngày 08/07/2024 về việc thanh lý tài sản của Bệnh viện Sản Nhi An Giang.

- 34 thiết bị tổng giá trị **824.536.000** đồng, bệnh viện đã nhận Công văn số 1620/SYT-KHTC ngày 13/06/2024 của Sở Y tế về việc hướng dẫn thanh lý tài sản của Bệnh viện Sản Nhi An Giang.

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản công theo quy định. Tuy nhiên, việc thực hiện thanh lý tài sản công chưa kịp thời theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

1.6. Kiểm định, hiệu chuẩn:

Bệnh viện có ban hành Kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị y tế hàng năm.

Bệnh viện có thực hiện kiểm định các thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 liên tịch Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế.

Tuy nhiên, bệnh viện không hiệu chuẩn định kỳ (năm 2022 và 2023) các thiết bị y tế tại Đơn nguyên hiểm muộn và không thực hiện kiểm định thiết bị y tế tại Khoa Liên chuyên khoa Mắt-Tai Mũi Họng-Răng Hàm Mặt theo quy định.

Đến tháng 8 năm 2024, bệnh viện thực hiện hiệu chuẩn các thiết bị y tế tại Đơn nguyên hiểm muộn, kết quả đạt.

(*chi tiết tại phụ lục III*)

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm định các thiết bị y tế theo quy định. Tuy nhiên, bệnh viện không thực hiện hiệu chuẩn định kỳ (năm 2022 và 2023), quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; không kiểm định các thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.

1.7. Quản lý, sử dụng thiết bị y tế tại khoa:

Tổng số thiết bị y tế được kiểm tra là 49 thiết bị tại Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức, Khoa ICU nhi, Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Đơn nguyên Hiếm muộn Trong đó:

- Thiết bị y tế đang hoạt động: 44 thiết bị.
- Thiết bị y tế hư hỏng: 05 thiết bị; đơn vị đã tự sửa chữa được 04 thiết bị; còn 01 thiết bị chưa được sửa chữa (Monitor sản khoa).
- Lý lịch thiết bị y tế: có lưu giữ lý lịch máy.

Nhận xét: Thiết bị y tế được kiểm tra tại các khoa có lý lịch máy; thiết bị hư hỏng được thực hiện sửa chữa theo quy trình. Tuy nhiên, còn 01 thiết bị chưa được sửa chữa (Monitor sản khoa).

(chi tiết tại phụ lục IV)

1.8. Thiết bị ngưng sử dụng:

Bệnh viện có các thiết bị ngưng sử dụng:

- 01 Hệ thống xét nghiệm Real-time PCR. Theo giải trình của bệnh viện, thiết bị này được cấp và sử dụng trong các năm dịch Covid-19, sau khi hết dịch Covid-19, đơn vị không có nhu cầu sử dụng.

- 01 Hệ thống nội soi tai mũi họng hiệu Teckno. Theo giải trình của bệnh viện, thiết bị được trang cấp không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật, do bộ dụng cụ kèm theo dùng cho người lớn không thao tác trên trẻ em (nên ít được sử dụng), khi sử dụng cho trẻ em cần thiết phải có thêm bộ dụng cụ kèm theo phù hợp với trẻ em.

- 01 Máy đo khúc xạ tự động. Theo giải trình của bệnh viện, thiết bị này được nhận từ khi tách ra từ Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang vào tháng 04/2016 với tình trạng máy đã hư không sử dụng được cho đến nay.

(chi tiết tại phụ lục IV)

Nhận xét:

- Bệnh viện còn 01 thiết bị hư hỏng nhiều năm, không có kế hoạch sửa chữa.

- Bệnh viện không có kế hoạch triển khai sử dụng 01 thiết bị được trang cấp không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của đơn vị; 01 thiết bị không có nhu cầu sử dụng sau khi hết dịch Covid-19.

2. Nội dung về quy trình khám chữa bệnh

2.1. Văn bản do đơn vị ban hành:

Bệnh viện có ban hành Quyết định số 158/QĐ-BVSN ngày 18/5/2024 về việc Ban hành Quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh; Quy trình khám bệnh ngoại trú đối với người bệnh có BHYT và không có BHYT

Nhận xét: Bệnh viện có xây dựng quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện, quy trình khám bệnh cho người bệnh có BHYT và không có BHYT. Tuy nhiên, quy trình có nội dung không đúng các bước theo hướng dẫn tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện (sau đây viết tắt là Quyết định số 1313/QĐ-BYT).

2.2. Tổ chức Khoa Khám bệnh:

- Tại Khoa Khám bệnh:

Tổng số bàn khám: 30 bàn. Ngoài ra tại Khoa Khám bệnh có bố trí 01 bàn khám tăng cường khi lượng bệnh chuyên Khoa Nhi đông, quá tải; tại Khoa Cấp cứu: bố trí 02 bàn khám ngoài giờ (thuộc khoa cấp cứu).

(chi tiết tại phụ lục V)

2.3. Thời gian khám bệnh:

Tổng số lượt khám tại Khoa Khám bệnh trong 04 tháng đầu năm 2024 là: 76.907 lượt khám. Bệnh viện có tổ chức khám lâm sàng đơn thuần và khám lâm sàng có làm thêm các kỹ thuật cận lâm sàng có thời gian khám theo quy định.

2.4. Lưu lượng khám:

STT	Thời gian	Tổng số lượt khám trong tháng	Số lượt khám trung bình/01 ngày	Số bàn khám	Số lượt khám trung bình/01 ngày/01 bàn
1	Tháng 01/2024	22.281	742,7	30	24,7
2	Tháng 02/2024	16.685	556		18,5
3	Tháng 3/2024	19.642	654,7		21,8
4	Tháng 4/2024	18.300	610		20,3

Nhận xét: Lưu lượng khám trung bình mỗi bàn khám thực hiện khám bệnh nhiều nhất 25 lượt khám trong 01 ngày, phù hợp chỉ tiêu phần đầu quy định tại

Quyết định số 1313/QĐ-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2.4. Kiểm tra thực tế về quy trình khám bệnh:

Bệnh viện có công khai quy trình khám bệnh, chữa bệnh ở khu vực chờ tại Khoa Khám bệnh, người bệnh và nhân viên có thể xem trực tiếp bằng cách check mã QR tại bảng hướng dẫn, có bố trí sơ đồ hướng dẫn Quy trình khám bệnh ngoại trú đối với người bệnh có BHYT và không có BHYT,

Thực tế về thời gian khám như sau:

a) Khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị, thời gian khám 10 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN062400020649	09 giờ 49 phút	10 giờ 47 phút	58	120
2	BN032400000511	07 giờ 34 phút	08 giờ 02 phút	58	120
3	BN092200011706	07 giờ 52 phút	08 giờ 21 phút	29	120
4	BN012200008221	07 giờ 54 phút	08 giờ 24 phút	30	120
5	BN122000032583	09 giờ 22 phút	10 giờ 38 phút	76	120
6	BN122000027223	08 giờ 29 phút	09 giờ 59 phút	90	120
7	BN121900028741	09 giờ 00 phút	10 giờ 25 phút	85	120
8	BN071700023381	08 giờ 53 phút	10 giờ 25 phút	32	120
9	BN041900021763	07 giờ 27 phút	08 giờ 23 phút	56	120
10	BN062400004752	08 giờ 50 phút	09 giờ 50 phút	60	120

Nhận xét: Bệnh viện thực hiện quy trình khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. 10 lượt khám có thời gian khám đúng quy định.

b) Khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị, thời gian khám 06 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN042200008474	07 giờ 27 phút	09 giờ 32 phút	125	180
2	BN012400006573	08 giờ 20 phút	10 giờ 29 phút	129	180

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
3	BN122000003615	08 giờ 05 phút	09 giờ 31 phút	86	180
4	BN062400020394	08 giờ 30 phút	11 giờ 56 phút	206	180
5	BN012200019048	07 giờ 31 phút	08 giờ 53 phút	82	180
6	BN051900017532	07 giờ 22 phút	09 giờ 25 phút	123	180

Nhận xét: Bệnh viện thực hiện quy trình khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. Tuy nhiên, trong 06 trường hợp, có 01 trường hợp khám kéo dài hơn 180 phút là không đúng theo quy định.

c) Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị, thời gian khám 08 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN062400020484	08 giờ 48 phút	11 giờ 32 phút	164	180
2	BN062400005421	07 giờ 53 phút	11 giờ 32 phút	219	180
3	BN052400032442	07 giờ 36 phút	11 giờ 31 phút	235	180
4	BN062400019953	06 giờ 39 phút	11 giờ 30 phút	291	180
5	BN062400020445	08 giờ 40 phút	11 giờ 27 phút	167	180
6	BN052400019398	08 giờ 58 phút	09 giờ 50 phút	52	180
7	BN102000020801	08 giờ 21 phút	09 giờ 50 phút	91	180
8	BN052400001475	08 giờ 18 phút	09 giờ 24 phút	66	180

Nhận xét: Bệnh viện thực hiện quy trình khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. Tuy nhiên, trong 08 lượt khám, có 03 trường hợp khám kéo dài hơn 180 phút là không đúng theo quy định.

2.5. Các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện

- Bệnh viện có xây dựng đề án cải tiến chất lượng “Mô hình tiếp nhận khám sản – phụ khoa khoa học – thuận tiện – hài lòng”: Tách riêng khu tiếp nhận bệnh, khu xét nghiệm và thu phí đối với chuyên khoa Nhi và Sản phụ khoa ở 02 tầng khác nhau, giảm thời gian chờ khám bệnh cho người bệnh.

- Sử dụng máy phát số tự động bố trí tại Khoa Khám bệnh.

- Bố trí quầy tiếp đón gần khu tiếp nhận và nhập dữ liệu vào máy vi tính, bố trí điểm thu viện phí và hướng dẫn thủ tục bảo hiểm y tế ở tầng trệt và tầng 01.

- Hướng dẫn đăng ký khám bệnh qua tổng đài chăm sóc khách hàng: 02963.989.247

- Ứng dụng phần mềm thanh toán qua mã QR.

- Kết nối mạng bộ phận cấp phát thuốc với Khoa Dược và máy tính tại bàn khám bệnh của Bác sĩ.

III. Kết luận

1. Những mặt làm được

1.1. Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Bệnh viện có lưu trữ hồ sơ mua sắm, hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ đối với 27 thiết bị y tế được mua trong thời kỳ thanh tra; phân bổ đúng khoa có nhu cầu, đúng mục đích sử dụng.

1.3. Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản công hàng năm theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1.4. Bệnh viện đang thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản đối với 51 thiết bị y tế hư hỏng, tổng giá trị theo nguyên giá: 6.297.134.000 đồng (phụ lục II).

1.5. Đối với thiết bị y tế được kiểm tra tại Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức, Khoa ICU nhi, Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Đơn nguyên Hiếm muộn: bệnh viện có lưu giữ lý lịch máy; thiết bị y tế hư hỏng được sửa chữa; năm 2024 có hiệu chuẩn thiết bị y tế tại Đơn nguyên Hiếm muộn.

1.6. Bệnh viện có xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện theo quy định; tổ chức thực hiện một số giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện; có đề án cải tiến chất lượng “Mô hình tiếp nhận khám sản – phụ khoa khoa học – thuận tiện – hài lòng”.

2. Những mặt còn tồn tại

2.1. Bệnh viện lưu trữ không đầy đủ hồ sơ mua sắm thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán, cụ thể là biên bản thanh lý hợp đồng.

2.2. Bệnh viện không thực hiện hiệu chuẩn định kỳ (năm 2022, 2023) thiết bị y tế tại Đơn nguyên hiếm muộn theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (phụ lục III).

2.3. Bệnh viện không thực hiện kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (phụ lục III).

2.4. Bệnh viện thực hiện thanh lý tài sản công không kịp thời theo quy định Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 51 thiết bị y tế hư hỏng, tổng giá trị theo nguyên giá: 6.297.134.000 đồng (phụ lục II).

2.5. Bệnh viện không thực hiện sửa chữa kịp thời các thiết bị y tế hư hỏng theo quy định (phụ lục IV).

2.6. Bệnh viện không có kế hoạch triển khai sử dụng 02 thiết bị ngưng sử dụng trong thời gian qua (phụ lục IV).

2.7. Quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh có nội dung các bước chưa đúng theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

2.8. Bệnh viện thực hiện quy trình khám bệnh, về thời gian khám còn tồn tại nhiều lượt khám có thời gian khám không đúng theo quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT (đã nêu tại khoản 2 Mục II).

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

1. Giám đốc Sở Y tế

1.1. Đối với Bệnh viện Sản Nhi An Giang:

Xem xét kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi An Giang trong vai trò trách nhiệm lãnh đạo điều hành và nhiệm vụ được phân công về những hạn chế, thiếu sót tại khoản 2 Mục III nêu trên.

1.2. Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế :

Thực hiện hướng dẫn Bệnh viện Sản Nhi An Giang về việc thanh lý tài sản công theo quy định pháp luật.

1.3. Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế:

Tham mưu Lãnh đạo Sở Y tế thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm theo quy định đối với Lãnh đạo Bệnh viện Sản Nhi An Giang.

2. Đối với Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi An Giang:

2.1. Xử lý hành chính:

Theo thẩm quyền xem xét, kiểm điểm trách nhiệm phù hợp với tính chất, mức độ thiếu sót của các cá nhân đã nêu tại khoản 2 Mục III, để xử lý theo quy định của pháp luật đối với cá nhân có tên trong Phụ lục VI.

2.2. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, chấm dứt những hạn chế, thiếu sót đã nêu tại khoản 2 Mục III, tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

2.2.1. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ mua sắm thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

2.2.2. Thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định các thiết bị y tế theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau: hiệu chuẩn định kỳ thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN (phụ lục III).

2.2.3. Thực hiện thanh lý tài sản công theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 51 thiết bị y tế hư hỏng, chưa hoàn thành trình tự thủ tục thanh lý tài sản, tổng giá trị theo nguyên giá: 6.297.134.000 đồng (phụ lục II).

2.2.4. Thực hiện sửa chữa các thiết bị y tế hư hỏng (phụ lục IV), sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

2.2.5. Có kế hoạch, sớm triển khai sử dụng đối với 02 thiết bị (phụ lục IV) không được sử dụng do không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện; do không có nhu cầu sử dụng nhằm tránh lãng phí tài sản.

2.2.6. Xây dựng quy trình tại Khoa Khám bệnh theo quy định; chấn chỉnh việc thực hiện khám bệnh, không để người dân chờ quá thời gian theo quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở Y tế;
- Thanh tra tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Kế hoạch-Tài chính SYT;
- Phòng Tổ chức cán bộ SYT;
- Bệnh viện Sản Nhi AG;
- Lưu: TTra.

CHÁNH THANH TRA



Phạm Vĩnh Thăng

Phạm Vĩnh Thăng

